

Mua vào

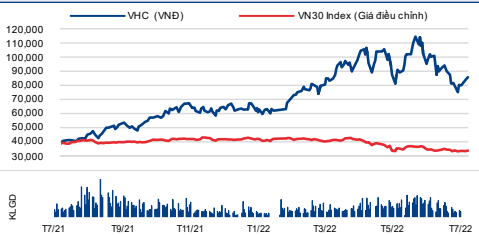
Giá mục tiêu: VND135,000

Tiềm năng tăng/giảm: 57.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/7/2022)	85,800
Mã Bloomberg	VHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	38,400-114,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	84,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	15,611
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	667
Slg CP lưu hành (tr.đv)	182
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	183
Slg CP NN được mua (tr.đv)	42.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.0%
Tỷ lệ freefloat	39.1%
Cổ đông lớn	Trương Thị Lệ Khanh (43.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	9,054	15,546	17,088
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,482	2,803	3,088
LNTT (tỷ đồng)	1,288	2,471	2,715
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,101	2,122	2,331
FCF (tỷ đồng)	34.3	394	1,024
EPS ĐC (đồng)	5,750	11,081	12,173
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	31,750	40,815	50,971
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	65.0	89.2	10.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	45.4	92.7	9.85
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.4	18.0	18.1
Tỷ suất LNTT (%)	14.2	15.9	15.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.2	13.7	13.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.8	18.0	16.4
Nợ thuần/VCSH (%)	30.0	22.2	10.4
ROAE (%)	20.1	32.1	27.9
ROACE (%)	21.1	35.9	31.7
EV/doanh thu (lần)	1.91	1.11	0.97
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.7	6.14	5.35
P/E ĐC (lần)	14.9	7.74	7.05
P/B (lần)	2.70	2.10	1.68
Lợi suất cổ tức (%)	2.33	2.33	2.33

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VHC là công ty xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng

giang.bnc@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2022: Lợi nhuận thuần tăng gấp ba, vượt dự báo

- Doanh thu thuần Q2/2022 tăng 80,4% đạt 4.226 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần tăng 3 lần đạt 784 tỷ đồng (tăng 201%). Doanh thu tăng mạnh chủ yếu nhờ doanh thu cao tại Mỹ, cùng với giá bán tăng và khoản hoàn nhập dự phòng đã hỗ trợ lợi nhuận thuần trong quý.
- Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần đạt 7.494 tỷ đồng, tăng 81,4%, trong khi lợi nhuận thuần tăng 204% đạt 1.332 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2022 đạt 63% dự báo cả năm 2022 của chúng tôi là 2.122 tỷ đồng, vượt 5% dự báo của chúng tôi do khoản hoàn nhập dự phòng.
- HSC duy trì dự báo, khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 135.000đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2022

VHC công bố KQKD Q2/2022 tích cực với doanh thu thuần tăng 80,4% so với cùng kỳ đạt 4.266 tỷ đồng và lợi nhuận thuần đạt 784 tỷ đồng (tăng 201% so với cùng kỳ). Lợi nhuận được thúc đẩy nhờ nhu cầu cá tra tại Mỹ tăng cao.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần đạt 7.494 tỷ đồng, tăng 81,4% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần tăng 240% so với cùng kỳ đạt 1.332 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần thực tế đạt 63% dự báo cả năm 2022 của chúng tôi là 2.122 tỷ đồng, vượt 5% so với dự báo nửa đầu năm 2022 của chúng tôi.

Nhu cầu cá tra tại Mỹ cao hỗ trợ tăng trưởng

Các sản phẩm chính đều có kết quả tốt. Trong đó, doanh thu cá tra, sản phẩm chủ lực của VHC, tăng mạnh 85% so với cùng kỳ đạt 2.810 tỷ đồng trong Q2/2022, chủ yếu nhờ doanh thu tại Mỹ tăng 136%. Chúng tôi ước tính sản lượng xuất khẩu tăng 23% so với cùng kỳ trong khi giá xuất khẩu bình quân tăng 51% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu cá tra tăng 82% so với cùng kỳ đạt 4.955 tỷ đồng.

Doanh thu phụ phẩm vẫn duy trì đà tăng mạnh từ Q1/2022, tăng 49% so với cùng kỳ đạt 721 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu phụ phẩm tăng 46% so với cùng kỳ đạt 1.134 tỷ đồng.

Doanh thu Collagen & Gelatin (C&G) cũng tăng tốt 48% so với cùng kỳ đạt 231 tỷ đồng trong Q2/2022. Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu C&G tăng 46% so với cùng kỳ đạt 451 tỷ đồng.

HSC tóm tắt cơ cấu doanh thu trong Bảng 2 & 3.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2022 và 6T/2022, VHC

Lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2022 tăng 240% so với cùng kỳ, đạt 63% dự báo cả năm 2022 của chúng tôi

Tỷ đồng	Q2/21	Q2/22	% y/y	6T/21	6T/22	%y/y
DTT	2,343	4,226	80.4%	4,131	7,494	81.4%
LN gộp	433	1,097	153.3%	706	1,875	165.8%
Chi phí BH&QL	150	211	40.2%	290	353	22.0%
LN thuần	261	784	200.9%	392	1,332	240.0%
Tỷ suất LN gộp	18.5%	25.9%		17.1%	25.0%	
Chi phí BH&QL/DT	6.4%	5.0%		7.0%	4.7%	
Tỷ suất LN thuần	11.1%	18.6%		9.5%	17.8%	

Nguồn: VHC, HSC

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần theo dòng sản phẩm, VHC

doanh thu cá tra, sản phẩm chủ lực của VHC, tăng mạnh 85% so với cùng kỳ trong Q2/2022 và 82% trong 6T/2022

Tỷ đồng	Q2/21	Q2/22	% y/y	6T/21	6T/22	%y/y
Sản phẩm cá tra	1,522	2,810	85%	2,717	4,955	82%
Phụ phẩm	484	721	49%	777	1,134	46%
Collagen & gelatin	156	231	48%	312	451	44%
Sản phẩm giá trị gia tăng	45	45	0%	78	83	6%
Khác	136	419	208%	246	871	254%
Tổng	2,343	4,226	80%	4,131	7,494	81%

Nguồn: VHC, HSC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu theo thị trường, VHC

Mỹ vẫn là thị trường chủ lực

Tỷ đồng	Q2/21	Q2/22	% y/y	6T/21	6T/22	%y/y
Mỹ	901	2,125	136%	1,609	3,735	132%
EU	522	536	3%	728	949	30%
Trung Quốc	387	419	8%	570	687	21%
Khác	533	1,146	115%	1,224	2,123	73%
Tổng	2,343	4,226	80%	4,131	7,494	81%

Nguồn: VHC

Tỷ suất lợi nhuận tăng so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý trước

Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q2/2022 tăng lên 25,9%, so với 18,5% cùng kỳ năm ngoái nhờ: (1) giá xuất khẩu cá tra tăng 51% so với cùng kỳ, và (2) khoản hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho là 99,4 tỷ đồng. Nếu không bao gồm khoản thu nhập bất thường, tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2022 sẽ là 23,6%, vẫn cao hơn đáng kể so với Q2/2021.

Tuy nhiên, do giá thức ăn thủy sản tăng, tỷ suất lợi nhuận gộp đã thu hẹp so với quý trước. Nếu không bao gồm khoản chi phí trích lập dự phòng là 143 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trong Q1/2022 sẽ ở mức cao là 28,2%, cao hơn so với mức 23,6% trong Q2/2022.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 135.000đ

Trong năm 2022, HSC dự báo doanh thu thuần đạt 15.546 tỷ đồng (tăng trưởng 71,7%) và lợi nhuận thuần đạt 2.122 tỷ đồng (tăng trưởng 92,7%). Chúng tôi tin rằng chi phí đầu vào sẽ duy trì ở mức cao trong nửa cuối năm 2022 do giá thức ăn thủy sản cao. Trong khi đó, sản lượng xuất khẩu trong 2 tuần đầu tháng 7/2022 giảm so với mức bình quân tuần trong Q2/2022, và có khả năng sản lượng xuất khẩu trong nửa cuối năm sẽ thấp hơn so với nửa đầu năm 2022.

Mặc dù lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2022 vượt 5% dự báo, HSC vẫn duy trì dự báo năm 2022. Chúng tôi cũng duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 135.000đ/cp.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	7,037	9,054	15,546	17,088	18,189
Lợi nhuận gộp	1,015	1,752	3,165	3,423	3,641
Chi phí BH&QL	(319)	(556)	(687)	(682)	(693)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	695	1,196	2,478	2,741	2,948
Lãi vay thuần	58.4	36.9	(35.9)	(51.9)	(43.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(0.29)	(0.44)	(0.48)	(0.53)	(0.58)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	49.7	55.1	29.9	26.9	22.9
LNTT	803	1,288	2,471	2,715	2,927
Chi phí thuế TNDN	(84.0)	(178)	(341)	(375)	(404)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.01)	(8.91)	(8.32)	(9.16)	(10.1)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	719	1,101	2,122	2,331	2,513
Lợi nhuận thuần ĐC	719	1,101	2,122	2,331	2,513
EBITDA ĐC	898	1,482	2,803	3,088	3,327
EPS (đồng)	3,953	5,750	11,081	12,173	13,122
EPS ĐC (đồng)	3,953	5,750	11,081	12,173	13,122
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	182	182	182	182	182
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	182	182	182	182	182
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	182	182	182	182	182

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	40.8	195	1,167	1,879	2,720
Đầu tư ngắn hạn	1,374	1,272	1,200	1,200	1,500
Phải thu khách hàng	1,689	2,134	3,356	3,675	3,902
Hàng tồn kho	1,508	1,790	1,855	2,493	3,215
Các tài sản ngắn hạn khác	124	150	258	284	302
Tổng tài sản ngắn hạn	4,735	5,542	7,837	9,531	11,640
TSCĐ hữu hình	1,503	1,773	2,711	3,236	3,479
TSCĐ vô hình	305	296	273	250	226
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	10.7	10.3	10.3	10.3	10.3
Tài sản dài hạn khác	647	1,112	1,134	1,091	1,052
Tổng tài sản dài hạn	2,466	3,192	4,128	4,587	4,767
Tổng cộng tài sản	7,202	8,734	11,964	14,118	16,407
Nợ ngắn hạn	1,106	1,723	2,585	2,611	2,637
Phả trả người bán	326	337	563	621	661
Nợ ngắn hạn khác	411	515	937	1,133	1,313
Tổng nợ ngắn hạn	1,941	2,667	4,240	4,536	4,794
Nợ dài hạn	69.2	168	168	168	168
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	5.21	0.20	0.20	0.20	0.20
Nợ dài hạn khác	3.73	6.47	6.44	6.44	6.44
Tổng nợ dài hạn	78.2	175	175	175	175
Tổng nợ phải trả	2,026	2,852	4,425	4,721	4,979
Vốn chủ sở hữu	5,172	5,777	7,426	9,274	11,295
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.99	105	114	123	133
Tổng vốn chủ sở hữu	5,176	5,882	7,540	9,397	11,428
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,202	8,734	11,964	14,118	16,407
BVPS (đ)	28,425	31,750	40,815	50,971	62,078
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,134	1,696	1,586	900	84.7

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	695	1,196	2,478	2,741	2,948
Khấu hao	(203)	(285)	(325)	(348)	(379)
Lãi vay thuần	58.4	36.9	(35.9)	(51.9)	(43.4)
Thuế TNDN đã nộp	(165)	(204)	(303)	(365)	(397)
Thay đổi vốn lưu động	(376)	(486)	(574)	(693)	(714)
Khác	(23.9)	(189)	(255)	(169)	(189)
LCT thuần từ HĐKD	392	640	1,635	1,809	1,983
Đầu tư TS dài hạn	(554)	(606)	(1,241)	(785)	(535)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	3.55	0.67	0	0	0
Khác	166	(251)	220	154	(136)
LCT thuần từ HĐĐT	(384)	(856)	(1,021)	(631)	(671)
Cổ tức trả cho CSH	(364)	(359)	(367)	(367)	(367)
Thu từ phát hành CP	2.00	63.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	309	666	724	(98.8)	(105)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(53.2)	370	357	(466)	(472)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	86.4	40.8	157	1,167	1,879
LCT thuần trong kỳ	(45.7)	154	971	713	841
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.00)	0.35	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	40.8	195	1,128	1,879	2,720
Dòng tiền tự do	(162)	34.3	394	1,024	1,449

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.4	19.4	20.4	20.0	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.8	16.4	18.0	18.1	18.3
Tỷ suất LNT (%)	10.2	12.2	13.7	13.6	13.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	10.5	13.8	13.8	13.8	13.8
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.5)	28.7	71.7	9.92	6.44
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(30.8)	65.0	89.2	10.2	7.73
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(33.6)	53.1	92.7	9.85	7.80
Tăng trưởng EPS (%)	(35.8)	45.4	92.7	9.85	7.80
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(29.7)	45.4	92.7	9.85	7.80
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	50.6	34.8	18.0	16.4	15.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.3	20.1	32.1	27.9	24.4
ROACE (%)	13.7	21.1	35.9	31.7	27.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.02	1.14	1.50	1.31	1.19
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.56	0.54	0.66	0.66	0.67
Số ngày tồn kho	91.4	89.5	54.7	66.6	80.7
Số ngày phải thu	102	107	98.9	98.1	97.9
Số ngày phải trả	19.8	16.8	16.6	16.6	16.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	22.6	30.0	22.2	10.4	1.39
Nợ/tài sản (%)	16.8	22.1	23.5	20.2	17.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	68.9	52.8	67.9
Nợ/EBITDA (lần)	1.35	1.30	1.00	0.92	0.86
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.44	2.08	1.85	2.10	2.43
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.38	1.91	1.11	0.97	0.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.6	11.7	6.14	5.35	4.72
P/E (lần)	21.7	14.9	7.74	7.05	6.54
P/E ĐC (lần)	21.7	14.9	7.74	7.05	6.54
P/B (lần)	3.02	2.70	2.10	1.68	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	2.33	2.33	2.33	2.33	2.33

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn